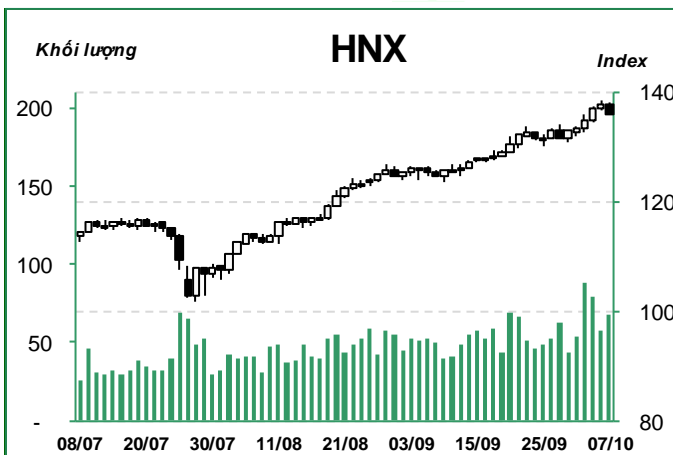
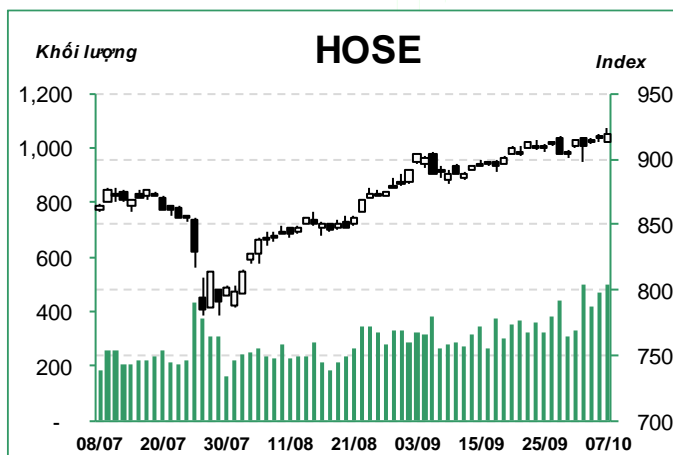


## Tổng quan thị trường

07/10/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>919.72</b>	<b>0.44%</b>	<b>870.85</b>	<b>-0.06%</b>	<b>136.13</b>	<b>-1.19%</b>
Cuối tuần trước	909.91	1.08%	861.51	1.08%	134.91	0.91%
Trung bình 20 ngày	907.53	1.34%	851.91	2.22%	132.32	2.88%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>523.96</b>	<b>5.61%</b>	<b>165.10</b>	<b>5.68%</b>	<b>70.13</b>	<b>19.26%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>496.27</b>	<b>5.02%</b>	<b>157.15</b>	<b>5.98%</b>	<b>68.39</b>	<b>17.64%</b>
Trung bình 20 ngày	373.82	32.75%	109.07	44.09%	58.78	16.35%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>8,784.49</b>	<b>7.06%</b>	<b>4,194.67</b>	<b>6.50%</b>	<b>984.41</b>	<b>29.60%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>7,879.22</b>	<b>7.85%</b>	<b>3,919.58</b>	<b>10.51%</b>	<b>904.73</b>	<b>20.65%</b>
Trung bình 20 ngày	6,187.47	27.34%	2,791.20	40.43%	721.18	25.45%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	187	40%	11	37%	70	20%
<b>Số mã giảm</b>	217	46%	16	53%	92	26%
<b>Số mã đứng giá</b>	65	14%	3	10%	193	54%



Thị trường có biến động trái chiều trong phiên giao dịch hôm nay. Trong khi VN-Index “xanh vô đô lòng”, HNX-Index lại đảo chiều và đóng cửa gần như thấp nhất phiên. Thanh khoản gia tăng cho dấu hiệu dòng tiền vẫn tham gia khá tích cực.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tăng nhẹ tại mức 919.72 điểm (+0.44%). KLGD khớp lệnh đạt 496.3 triệu cổ phiếu (+5.0%), tương đương 7,879 tỷ đồng giá trị (+7.9%). Mặc dù chỉ số đóng cửa trong sắc xanh, độ rộng thị trường lại nghiêng về bên bán với 217 mã giảm so với 187 mã tăng.

Dẫn đầu đà tăng điểm trên sàn HoSE là các trụ cột như Masan-MSN (+6.7%), Vietcombank-VCB (+1.3%), PV GAS (+2.2%), hay Sabeco-SAB (+2.0%). Trong đó, MSN và GAS đáng chú ý nhất khi tăng điểm kèm với khối lượng tăng vọt. Ngoài ra, nhóm cổ phiếu penny vẫn đang thu hút được dòng tiền với nhiều mã tăng trần như KCN Tân Tạo-ITA (+6.9%), Tập đoàn Đại Dương-OGC (+6.9%), Đầu tư Everland-EVG (+7.0%),... Ở chiều ngược lại, các cổ phiếu thuộc nhóm ngân hàng như Techcombank-TCB (-2.7%), VPBank-VPB (-1.7%), Sacombank-STB (-3.5%) cùng với Hòa Phát-HPG (-1.6%) gây áp lực chính cho chỉ số.

Khối ngoại đẩy mạnh bán ròng trên sàn HoSE trong phiên hôm nay, đạt giá trị 174.8 tỷ đồng (+110.0%). Với áp lực bán tập trung ở các cổ phiếu như Vinamilk-VNM (-100.4 tỷ), Tập đoàn Hoa Sen-HSG (-31.4 tỷ), Hạ tầng Kỹ thuật TPHCM-CII (-26.4 tỷ). Trái lại, những cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
VHC	4,400.0	194.92
YEG	1,703.7	86.72
VPB	2,480.0	57.07
NVL	895.0	54.85
MBB	2,089.0	37.19
DBD	830.0	36.94
HPG	1,230.4	34.54
VNM	316.5	33.51
PNJ	534.1	33.22
GEX	1,010.0	22.27
<b>HNX</b>		
SCI	932.1	66.59
VC3	250.0	4.15
TAR	130.0	2.65
SHB	156.0	2.39
GKM	119.0	2.01
TIG	120.4	0.87
ACB	30.4	0.66
IDV	7.5	0.36

là Vietcombank-VCB (+21.0 tỷ), Masan-MSN (+14.9 tỷ), Đất Xanh-DXG (+13.5 tỷ).

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index sụt giảm mạnh và đóng cửa tại mức 136.13 điểm (-1.19%). Áp lực bán tháo khiến thanh khoản gia tăng trở lại. KLGĐ khớp lệnh đạt 68.4 triệu cổ phiếu (+17.6%), tương đương 904.7 tỷ đồng giá trị (+20.7%).

Hầu hết các trụ cột trên sàn có diễn biến không mấy khả quan. Trong đó, Ngân hàng Á Châu-ACB (-2.5%), Dầu khí PTSC-PVS (-1.4%), Thaiholdings-THD (-1.7%) tác động tiêu cực nhất đến chỉ số. Ngược lại, Khách sạn Đại Dương-OCH (+9.3%), Cảng Hải Phòng-PHP (+0.9%), Thiết bị Bưu điện Postef-POT (+8.3%) dẫn đầu ở chiều tăng điểm.

Khối ngoại thu hẹp đà bán ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 1.7 tỷ đồng (-40.1%). Với những cổ phiếu bị bán ròng nhiều lần lượt là Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (-1.1 tỷ), Bê tông Hòa Cầm-HCC (-0.8 tỷ) và Dầu khí PTSC-PVS (-0.7 tỷ). Trái lại, những cổ phiếu được khối này mua ròng là Hạ tầng Vĩnh Phúc-IDV (+1.2 tỷ), Bến xe Miền Tây-WCS (+0.9 tỷ), Sonadezi Long Bình-SZB (+0.6 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp. Khối lượng giao dịch tiếp tục gia tăng và duy trì trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền gia nhập thị trường tích cực. Không những vậy, chỉ số đang nằm trong xu hướng phục hồi, khi chỉ số duy trì đóng cửa trên hầu hết các đường MA quan trọng từ MA5 tới MA200, cùng với chòm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực. Thêm vào đó, RSI đang hướng lên vùng 67 và +DI nơi rộng khoản cách lên phía trên so với -DI, cho thấy đà phục hồi đang gia tăng. Chỉ số có thể tiến lên thử thách ngưỡng kháng cự mục tiêu 940 điểm (Fib 127.2). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến trái chiều. Chỉ số có phiên giảm điểm trở lại nhưng vẫn duy trì đóng cửa trên MA5 và 20, cho thấy phiên giảm điểm có thể chỉ mang tính kỹ thuật, chỉ số có thể sớm phục hồi trở lại và hướng lên thử thách ngưỡng 138.3 (đỉnh 2018). Nhìn chung, thị trường vẫn giữ được xu hướng phục hồi. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục vào các cổ phiếu mạnh, có cơ bản tốt, dự báo kết quả quý 3 khả quan.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PTL	7.8	46.9	7.0%
DAT	32.2	4.2	7.0%
LAF	9.7	7.4	7.0%
HTN	26.9	444.3	7.0%
EVG	5.2	4,932.9	7.0%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PTC	8.7	0.1	-7.0%
ASG	43.4	18.8	-7.0%
DTL	7.3	1.1	-6.9%
TLD	12.9	1,042.3	-6.9%
HTL	15.9	0.1	-6.8%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TCH	21.2	422.1	-1.6%
HPG	27.8	414.9	-1.6%
MSN	61.9	388.0	6.7%
HSG	15.8	284.3	0.3%
STB	13.7	273.0	-3.5%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FLC	4.2	26,941.0	3.7%
HQC	1.8	23,116.9	-1.1%
ROS	2.4	21,320.4	3.9%
TCH	21.2	19,829.7	-1.6%
STB	13.7	19,465.9	-3.5%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PCT	5.5	0.1	10.0%
DC2	9.9	0.1	10.0%
ADC	15.5	1.6	9.9%
CKV	11.1	0.2	9.9%
QTC	17.8	25.0	9.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
BPC	11.1	1.9	-9.8%
MDC	7.4	0.3	-9.8%
VTJ	3.7	41.5	-9.8%
HBE	8.5	0.8	-9.6%
KHS	13.4	1.0	-9.5%

#### Top 5 giá trị

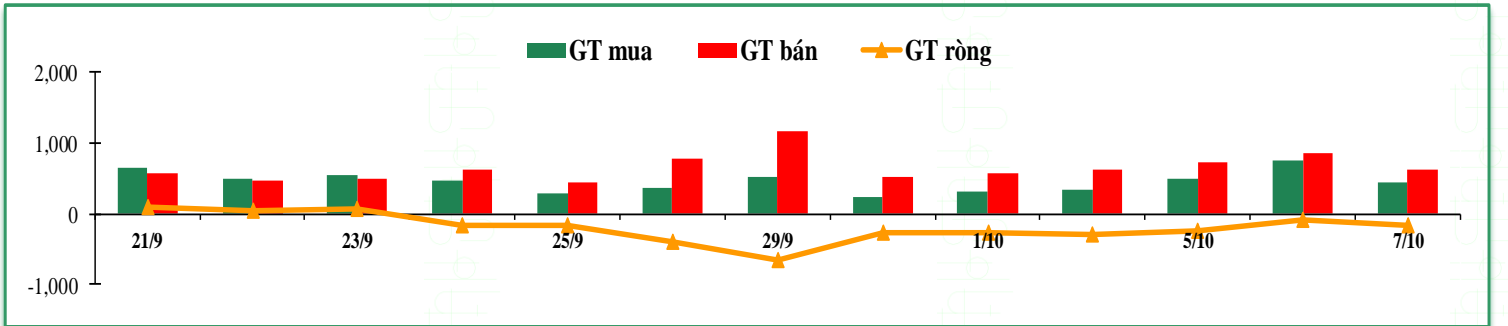
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	23.4	419.3	-2.5%
PVS	14.0	75.4	-1.4%
SHB	15.4	56.4	0.0%
SHS	12.6	49.0	-2.3%
VCS	77.0	36.3	-0.3%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACB	23.4	17,695.2	-2.5%
ACM	1.0	5,821.3	-9.1%
PVS	14.0	5,332.2	-1.4%
KLF	1.9	4,227.0	0.0%
SHS	12.6	3,818.4	-2.3%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	452.2	5.7%	627.0	8.0%	-174.8
HNX	3.9	0.4%	5.6	0.6%	-1.7
<b>Tổng số</b>	<b>456.1</b>		<b>632.6</b>		<b>-176.4</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	27.8	50.7	-1.6%
MSN	61.9	46.1	6.7%
VNM	108.0	41.6	0.9%
MBB	17.6	36.9	-1.4%
PNJ	61.1	32.6	0.0%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	108.0	142.0	0.9%
HPG	27.8	68.9	-1.6%
MBB	17.6	37.1	-1.4%
CTG	27.0	36.4	-0.7%
HSG	15.8	34.4	0.3%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCB	85.0	21.0	1.3%
MSN	61.9	14.9	6.7%
DXG	11.4	13.5	0.0%
VHM	76.8	11.0	0.9%
VPB	23.8	9.0	-1.7%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
IDV	52.8	1.2	-1.5%
WCS	194.0	0.9	-0.2%
SZB	29.7	0.6	0.0%
INN	30.6	0.2	2.0%
BVS	12.7	0.1	0.0%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	12.6	1.1	-2.3%
HCC	14.1	0.8	1.4%
PVS	14.0	0.7	-1.4%
VIX	13.6	0.6	-3.6%
PVC	6.1	0.4	-1.6%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
IDV	52.8	1.2	-1.5%
WCS	194.0	0.9	-0.2%
SZB	29.7	0.6	0.0%
INN	30.6	0.2	2.0%
BVS	12.7	0.1	0.0%

## Tin trong nước

### Huy động kỷ lục gần 1 tỷ USD trái phiếu doanh nghiệp trong 1 ngày

Thống kê của *Người Đồng Hành* theo công bố tính đến 2/10, khoảng 83.800 tỷ đồng đã đổ vào thị trường trái phiếu riêng lẻ trong tháng 8, chiếm gần 28% giá trị huy động từ đầu năm đến nay. Trong đó, 65.760 tỷ đồng trái phiếu được phát hành vào 10 ngày cuối tháng 8, riêng ngày 31/8 là 22.400 tỷ đồng (gần 1 tỷ USD). Đây là kỷ lục về khối lượng phát hành trái phiếu doanh nghiệp tính theo tháng và theo ngày.

Đây có thể chưa phải là con số tổng cuối cùng. Theo quy định tại Nghị định số 163/2018/NĐ-CP, chậm nhất 5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt phát hành trái phiếu, tổ chức phát hành phải công bố thông tin về kết quả phát hành cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán (ở đây là HNX). Tuy nhiên, việc công bố thông tin về kết quả phát hành của các doanh nghiệp còn tương đối chậm trễ, có trường hợp chậm đến 5 tháng.

Diễn biến này khá dễ hiểu khi Nghị định 81/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 163/2018/NĐ-CP quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp có hiệu lực từ 1/9 đưa ra các yêu cầu cao hơn đối với tổ chức phát hành khi thực hiện phát hành riêng lẻ.

Cụ thể, quy định dự nợ phát hành trái phiếu riêng lẻ tại thời điểm phát hành (bao gồm cả khối lượng dự kiến phát hành) không vượt quá 5 lần vốn chủ sở hữu tại quý gần nhất. Các đợt phát hành phải cách nhau tối thiểu 6 tháng, mỗi đợt phải hoàn thành trong vòng 90 ngày kể từ ngày công bố thông tin; bắt buộc phải có hợp đồng tư vấn với tổ chức tư vấn (công ty chứng khoán, tổ chức tín dụng và định chế tài chính khác); bổ sung yêu cầu BCTC kiểm toán trong hồ sơ phát hành phải có ý kiến chấp nhận toàn phần, nếu ngoại trừ phải có giải thích hợp lý và xác nhận của kiểm toán.

Trong tháng 8, nhóm doanh nghiệp liên quan tới Xuân Thiện Group và ông Nguyễn Văn Thiện đứng đầu khối lượng huy động với hơn 10.000 tỷ đồng trái phiếu. Tính tổng từ đầu năm đến nay, nhóm đã vay 12.170 tỷ đồng trái phiếu. Lãi suất các lô trái phiếu huy động tháng 8 không được công bố, trong khi các lô trước đó là 10,5%/năm, kỳ hạn trả dài từ 1 đến 12 năm.

Xuân Thiện Group là chủ đầu tư cụm dự án Điện mặt trời Xuân Thiện - Ea Súp, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk với tổng mức đầu tư hơn 50.000 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Đầu tư Quang Thuận – doanh nghiệp liên quan đến Vạn Thịnh Phát, Saigon Glory – công ty con 100% vốn Bitexco, Sovico Holdings và Phú Long, Vingroup thông qua VinSmart và Vinpearl, Masan Group và Novaland cũng huy động hàng nghìn tỷ đồng trái phiếu.

Đối với nhóm ngân hàng, 9 đơn vị phát hành trái phiếu riêng lẻ trong tháng 8 với tổng giá trị thành công hơn 13.360 tỷ đồng. Riêng BIDV và VietinBank có kỳ hạn trên 5 năm để bổ sung vốn cấp 2, các đơn vị còn lại chủ yếu kỳ hạn 3 năm.

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Hoa Sen ước bán hơn 525.000 tấn sản phẩm trong quý IV, tăng 46% so cùng kỳ**

Tập đoàn Hoa Sen (HoSE: HSG) thông báo quý IV niên độ 2019-2020 tổng sản lượng tiêu thụ đạt 525.277 tấn, tăng 28% so với quý trước và tăng 46% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng xuất khẩu đạt 275.668 tấn, chiếm tỷ trọng 52,35% và tăng 154% so với cùng kỳ. Đây là lần đầu tiên doanh nghiệp công bố sản lượng theo quý.

Năm nay, tập đoàn đề ra kế hoạch tiêu thụ 1,5 triệu tấn, tương đương thực hiện năm trước. Như vậy, riêng quý IV, Hoa Sen thực hiện 35% kế hoạch năm.

Theo báo cáo của Hiệp hội thép Việt Nam, tính chung 8 tháng đầu năm sản lượng tiêu thụ thép giảm 6,9% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, riêng sản phẩm tôn mạ có mức tăng trưởng gần 3% và ống thép tương đương cùng kỳ năm trước với lần lượt 2,5 triệu tấn và 1,6 triệu tấn. Hoa Sen vẫn duy trì vị trí dẫn đầu thị phần mảng tôn với 31,6% và vị trí thứ 2 mảng ống thép với 16,59%.

### **Tân Cảng Logistics trả nốt cổ tức tiền mặt tỷ lệ 30%**

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (Tân Cảng Logistics, HoSE: TCL) thông báo chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức lần 3 năm 2019 bằng tiền mặt tỷ lệ 30% (1 cổ phiếu được nhận 3.000 đồng). Với hơn 30 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền chi ra khoảng 90 tỷ đồng.

Ngày đăng ký cuối cùng vào 28/10 và thời gian thanh toán dự kiến trong tháng 11.

Theo báo cáo kinh doanh năm 2019, doanh nghiệp ngành logistic ghi nhận doanh thu tăng 7% lên 952 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế thu về gần 94 tỷ đồng, giảm 6% so với cùng kỳ và hoàn thành 93% kế hoạch năm.

Với kết quả đạt được, các cổ đông đã thống nhất mức chia cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt đến 70%. Trong đó, công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức 20% vào tháng 4 và chia tiếp 20% vào tháng 6.

Với năm 2020, công ty đặt mục tiêu doanh thu tăng 6% lên mức 1.039 tỷ đồng và qua đó có lãi hơn 102 tỷ đồng. Mức cổ tức dự kiến cho năm 2020 là 25%.

### **Vinacafe Biên Hòa tạm ứng cổ tức tiền mặt 250%**

HĐQT CTCP Vinacafe Biên Hòa (HoSE: VCF) tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 250% (1 cổ phiếu nhận được 25.000 đồng).

Với hơn 26,5 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền dự chi ước tính 664,5 tỷ đồng. Hiện Masan Beverage là công ty mẹ đang sở hữu đến 98,49% vốn Vinacafé Biên Hòa. Tại thời điểm 30/6, Masan Group (HoSE:MSN) sở hữu 47% tỷ lệ lợi ích tại Masan Beverage, gián tiếp nhận về 308 tỷ đồng cổ tức.

Công ty không chia cổ tức cho năm 2015, 2016, 2019. Tỷ lệ cổ tức 2017 lên đến 660% và 2018 là 240%.

Nhờ hoạt động chung trong hệ thống của Masan Group, Vinacafé Biên Hòa tạo ra lợi thế về giá vốn và chi phí bán hàng. Lũy kế 6 tháng, doanh thu đạt 1.152 tỷ đồng, giảm 8% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt gần 259 tỷ đồng, xấp xỉ cùng kỳ năm ngoái. Thu nhập trên mỗi cổ phần đạt 9.797 đồng, thuộc top những doanh nghiệp có EPS cao trên thị trường.

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	CTG	Chốt lời	08/10/20	27	25.8	4.7%	28	8.5%	25.2	-2.3%	Tín hiệu suy yếu
2	BFC	Bán	08/10/20	16.65	17	-2.1%	18.7	10.0%	16.3	-4.1%	Xu hướng yếu đi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	BVH	Quan sát mua	08/10/20	49.85	55-57.5	Phiên tăng tốt, vol tăng trở lại gần đây sau nhịp chỉnh test MA50 -> khả năng sớm có phiên breakout MA200 để bước vào nhịp tăng ngắn
2	SCS	Quan sát mua	08/10/20	122.5	130	Phiên tăng kèm vol trên trung bình và cắt lên lại các đường MA -> có cơ hội kết thúc điều chỉnh, quay lại xu hướng tăng
3	TV2	Quan sát mua	08/10/20	47.65	51   56	Tín hiệu cạn cung khi về test MA50 + có phiên tăng nhẹ kèm vol tăng lại mức trung bình -> khả năng sớm có phiên breakout trendline giảm
4	AST	Quan sát mua	08/10/20	50.5	56	Phiên giảm cạn cung ở vùng hỗ trợ 50-51 + vol xu hướng giảm dần -> khả năng sớm quay lại xu hướng tăng
5	ICT	Quan sát mua	08/10/20	20.8	22	Phiên giảm cạn cung khi về test MA50 + vol xu hướng giảm dần -> khả năng sớm có nhịp tăng ngắn về test đỉnh

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	LIX	Nắm giữ	16/09/20	60	56.8	5.6%	68	19.7%	54.9	-3%	
2	MWG	Nắm giữ	17/09/20	107.6	94.6	13.7%	112	18.4%	90	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

3	VNM	Mua	21/09/20	108	103.6	4.2%	112.5	9%	101.6	-2%	
4	HPG	Mua	28/09/20	27.8	25.75	8.0%	30	17%	25	-3%	
5	KBC	Mua	29/09/20	14.8	14.3	3.5%	15.8	10%	13.8	-3%	
6	KSB	Mua	05/10/20	31.9	31.1	2.6%	35	13%	29.8	-4%	
7	BMP	Mua	06/10/20	57.4	59	-2.7%	68.16	16%	56.16	-5%	Giá điều chỉnh do trả cổ tức bằng tiền 28.4%

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 07/10/2020									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	930	-1.1 %	-40%	4,320	70	60,500	0	(930)	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	11,000	-2.9 %	51%	4,841	33	50,400	834	(10,166)	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,790	-1.7 %	19%	1,317	22	50,400	1,427	(363)	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,650	-1.8 %	-2%	1,229	16	50,400	1,392	(258)	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,390	-2.1 %	-7%	19,963	99	50,400	664		HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CFPT2009	2,480	2,250	-1.3 %	-9%	5,435	72	50,400	1,327	(923)	MBS	FPT	46,800	3	18/12/2020
CHPG2008	4,100	6,680	-4.4 %	63%	19,462	54	27,800	528	(6,152)	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	5,790	-3.2 %	262%	8,230	22	27,800	2,671	(3,119)	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	9,100	3.9 %	49%	6,220	103	27,800	1,984	(7,116)	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	10,400	-4.2 %	51%	3,624	55	27,800	3,910	(6,490)	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	9,670	-1.3 %	34%	4,914	194	27,800	2,956	(6,714)	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	9,200	-2.9 %	37%	2,307	145	27,800	2,425	(6,775)	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CHPG2016	2,200	3,880	-5.4 %	76%	18,600	99	27,800	656	(3,224)	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CHPG2019	1,630	2,420	-4.0 %	48%	38,961	72	27,800	1,926	(494)	MBS	HPG	24,100	2	18/12/2020
CMBB2003	2,000	2,600	-4.8 %	30%	3,210	33	17,600	68	(2,532)	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	630	-8.7 %	-69%	415	19	17,600	(0)	(630)	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,970	-3.4 %	79%	12,855	22	17,600	565	(1,405)	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	2,050	-4.2 %	46%	8,002	99	17,600	508		HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	780	21.9 %	-66%	42,113	70	61,900	71	(709)	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2005	2,100	740	64.4 %	-65%	131,473	22	61,900	405	(335)	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,890	26.0 %	-1%	21,375	99	61,900	1,317		HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMSN2008	1,530	2,250	33.9 %	47%	29,041	61	61,900	1,834	(416)	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CMWG2006	2,000	320	3.2 %	-84%	570	19	107,600	26	(294)	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	22,070	9.3 %	71%	1,467	54	107,600	20,989	(1,081)	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	2,280	7.6 %	75%	28,852	20	107,600	2,274	(6)	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	2,900	3.6 %	81%	5,904	16	107,600	3,214	314	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	2,840	3.3 %	103%	14,634	99	107,600	2,628		HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CMWG2011	2,980	4,650	9.7 %	56%	2,925	72	107,600	4,224	(426)	MBS	MWG	87,000	5	18/12/2020
CMWG2012	4,390	6,200	6.0 %	41%	7,436	124	107,600	5,688	(512)	SSI	MWG	80,000	5	08/02/2021
CNVL2001	2,300	-	0 %	-100%	-	70	63,100	40	40	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,320	0.9 %	16%	970	154	63,100	896	(1,424)	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2003	2,000	110	0 %	-95%	290	19	61,100	(0)	(110)	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	390	-2.5 %	-61%	7,448	22	61,100	131	(259)	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	830	0 %	-17%	9,617	99	61,100	367		HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,060	-0.5 %	23%	10,780	44	61,100	1,659	(401)	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020
CPNJ2008	3,030	2,800	0.7 %	-8%	4,348	124	61,100	2,337	(463)	SSI	PNJ	50,000	5	08/02/2021
CREE2003	1,000	2,300	-1.3 %	130%	9,913	22	41,350	2,281	(19)	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	3,950	4.0 %	152%	151	16	41,350	3,963	13	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	2,520	-1.6 %	94%	239	99	41,350	2,279		HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	180	12.5 %	-82%	14,792	70	2,420	(0)	(180)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSBT2001	2,900	700	20.7 %	-76%	3,338	70	16,550	0	(700)	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	2,470	-10.5 %	45%	1,236	70	13,700	1,886	(584)	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2004	1,400	2,990	-11.5 %	114%	15,790	54	13,700	2,749	(241)	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	1,060	-24.3 %	-2%	34,995	27	13,700	958	(102)	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	1,400	-8.5 %	-7%	9,102	180	13,700	756	(644)	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CSTB2008	1,500	3,750	-11.8 %	150%	15,193	44	13,700	3,537	(213)	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CSTB2009	1,650	3,450	-6.8 %	109%	15,676	72	13,700	2,865	(585)	MBS	STB	10,900	1	18/12/2020
CTCB2003	2,000	170	0 %	-92%	3,363	19	21,800	(0)	(170)	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,490	-15.8 %	-50%	20,270	54	21,800	373	(1,117)	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	2,060	-4.6 %	72%	27,645	22	21,800	1,916	(144)	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,710	-4.5 %	1%	26,688	99	21,800	1,051		HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CTCB2008	1,720	1,730	-7.5 %	1%	17,076	72	21,800	983	(747)	MBS	TCB	20,000	2	18/12/2020
CVHM2001	3,100	860	-2.3 %	-72%	337	70	76,800	0	(860)	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	4,940	5.6 %	-57%	7,363	54	76,800	1,587	(3,353)	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	830	5.1 %	-17%	37,419	22	76,800	693	(137)	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2005	1,400	810	5.2 %	-42%	33,526	99	76,800	210		HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVHM2007	2,900	1,900	3.8 %	-34%	2,644	124	76,800	974	(926)	SSI	VHM	75,000	5	08/02/2021
CVJC2001	2,400	130	-13.3 %	-95%	1,498	70	104,000	(0)	(130)	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	160	-20.0 %	-92%	1,832	22	104,000	0	(160)	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2005	2,000	1,350	-2.9 %	-33%	2,335	124	104,000	659	(691)	SSI	VJC	100,000	10	08/02/2021
CVNM2004	17,500	18,270	2.1 %	4%	7,522	54	108,000	41	(18,229)	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	2,970	0.3 %	98%	5,050	22	108,000	519	(2,451)	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2007	2,400	1,580	-0.6 %	-34%	20	154	108,000	13	(1,567)	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,350	0.4 %	31%	6,935	99	108,000	146		HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVNM2009	1,810	2,850	3.6 %	57%	18,038	61	108,000	290	(2,560)	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020
CVNM2010	2,680	2,730	0 %	2%	9,255	124	108,000	378	(2,352)	SSI	VNM	110,000	10	08/02/2021
CVPB2006	3,400	1,570	-8.2 %	-54%	23,011	54	23,750	465	(1,105)	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	990	-8.3 %	-42%	37,138	22	23,750	646	(344)	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVPB2008	1,800	1,780	-6.8 %	-1%	17,796	99	23,750	1,102		HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVPB2009	1,630	2,230	-1.8 %	37%	15,914	44	23,750	1,812	(418)	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CVRE2003	3,000	260	-3.7 %	-91%	2,955	70	27,800	0	(260)	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	1,800	0.6 %	-55%	12,071	54	27,800	578	(1,222)	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,230	2.5 %	12%	17,583	22	27,800	1,210	(20)	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	490	-3.9 %	-68%	116,282	180	27,800	113	(377)	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,030	2.0 %	-14%	34,473	99	27,800	594		HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">TCM</a> (New)	HOSE	23,550	26,800	07/10/2020	203	3,279	25,319	13%	7.2%	8.2	1.1	-
<a href="#">HBC</a> (New)	HOSE	11,300	10,350	02/10/2020	145	675	17,865	4%	1.0%	15.3	0.6	0%
<a href="#">KBC</a> (New)	HOSE	14,800	17,700	02/10/2020	531	1,131	20,813	5%	3.3%	9.4	0.6	-
<a href="#">ANV</a> (New)	HOSE	20,100	22,200	30/09/2020	249	1,952	19,165	10%	5.7%	11.4	1.2	10%
<a href="#">DXG</a> (New)	HOSE	11,400	14,650	29/09/2020	612	1,345	16,715	7%	2.8%	4.8	0.9	-
<a href="#">ACV</a>	UPCOM	63,500	71,600	29/09/2020	2,208	1,008	14,342	6%	3.8%	71.5	5.0	5%
<a href="#">NLG</a>	HOSE	26,550	32,300	28/09/2020	870	3,555	23,659	14%	8.0%	7.9	1.0	5%
<a href="#">IMP</a>	HOSE	47,700	46,100	21/09/2020	174	2,711	27,620	10%	8.3%	17.0	1.7	20%
<a href="#">CTD</a>	HOSE	60,500	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
<a href="#">DBD</a>	HOSE	46,700	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
<a href="#">VCB</a>	HOSE	85,000	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
<a href="#">AST</a>	HOSE	50,500	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
<a href="#">PHR</a>	HOSE	58,600	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
<a href="#">VRE</a>	HOSE	27,800	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
<a href="#">POW</a>	HOSE	10,550	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
<a href="#">MWG</a>	HOSE	107,600	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

<a href="#">NVL</a>	HOSE	63,100	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
<a href="#">NT2</a>	HOSE	23,650	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
<a href="#">SCS</a>	HOSE	122,500	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
<a href="#">MSN</a>	HOSE	61,900	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn) Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.